TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-ST.
Ngày: 29 - 9 - 2023.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Ngọc Thu.

Ông Trần Quang Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 465/2023/QĐST-DS, ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Huy K, sinh năm 1987; cùng nơi cư trú: Số nhà 137, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, các đương sự có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Mỹ T: Chị Phan Nguyễn Hoa T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số nhà 29, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ và anh Nguyễn Huy K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 137, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, anh K có mặt; chị T vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Bà Tô Ánh M, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số nhà 32, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2023 cùng các lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Anh K và chị T là vợ chồng. Anh và chị T với

bà M là người chị quen biết ở xã hội, do quen biết nhau nên bà M đã nhiều lần mượn tiền của anh và chị T; anh và chị T cho bà M mượn tiền bằng phương thức chuyển tiền vào tài khoản tại Ngân hàng S – Chi nhánh Vĩnh Long số tài khoản 070001509703 của bà M. Bà M mượn tiền của anh và chị T sử dụng vào mục đích cá nhân; anh và chị T với bà M không có thỏa thuận lãi suất vì mục đích là anh và chị T cho bà Minh mượn tiền; thời gian thì hai bên thỏa thuận bằng lời nói là vài tháng bà M sẽ trả tiền cho anh và chị T. Lần thứ nhất bà M mượn của chị T số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 24/8/2020; lần thứ hai bà M mượn tiền của chị T số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 10/12/2020; lần thứ ba bà M mượn tiền của chị T số tiền 63.000.000 đồng vào ngày 10/12/2020; lần thứ tư bà M mượn tiền của chị T số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 12/12/2020; lần thứ năm bà M mượn tiền của chị T số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 15/12/2020; lần thứ sáu bà M mượn tiền của chị T số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 22/12/2020; lần thứ bảy bà M mượn tiền của chị T số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 10/5/2021; lần thứ tám bà M mượn tiền của chị T số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 03/6/2021.

Toàn bộ số tiền chị T cho bà M mượn là tài sản chung của vợ chồng là của anh và chị T. Việc chị T chuyển tiền cũng như bà M mượn tiền anh đều biết. Từ khi anh và chị T cho bà M mượn tiền thì anh và chị T đã nhiều lần yêu cầu bà M trả lại số tiền này nhưng bà M cứ hẹn nhưng không trả tiền cho anh và chị T. Khi mượn tiền của anh và chị T thì bà M không có thế chấp tài sản hay cầm cố tài sản để đảm bảo việc trả nợ của bà M. Từ khi anh và chị T thực hiện thủ tục khởi kiện bà M tại Tòa án thì anh và chị T không liên lạc với bà M nữa.

Nay anh và chị T yêu cầu bà M trả cho anh và chị T số tiền là 155.538.082 đồng; trong đó tiền vốn là 147.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2023 đến ngày 29/9/2023 với lãi suất 10%/năm là 8.538.082 đồng, anh và chị T tiếp tục yêu cầu bà M trả tiền lãi đến ngày bà M trả xong số tiền nợ cho anh và chị T.

Chị T trình bày: Chị đồng ý với lời trình bày của anh K, chị không có bổ sung thêm ý kiến gì khác.

Chị T (người đại diện theo ủy quyền của chị T) được triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do.

Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh K và chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Tô Ánh M trả nợ gốc, lãi do bà M đã mượn; bà M có đăng ký thường trú tại thành phố V. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp được xác định "*Hợp đồng vay tài sản*". Đồng thời, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do; người đại diện theo ủy quyền của chị T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của chị T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ đã mượn là 147.000.000 đồng, căn cứ nguyên đơn yêu cầu là bản sao kê do ngân hàng cung cấp số tài khoản của bà M là sự thật, đây là chứng cứ không phải chứng minh, nên xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, nợ lãi theo quy định là đúng với quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự và nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho đến khi thi hành án xong là đúng quy định nên được chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 01/3/2023 đến ngày 29/9/2023 = 212 ngày, Như vậy. 147.000.000đ x 10% x 212 ngày/$_{365}$ = 8.538.082 đồng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải nộp là 7.777.000 đồng (155.538.082 x 5% = 7.777.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huy K và chị Lê Thị Mỹ T. Buộc bà Tô Ánh M có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Huy K và chị Lê Thị Mỹ T các khoản tiền như sau:

- Tiền vốn 147.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi bảy triệu đồng*);

- Tiền lãi 8.538.082 đồng (*tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn không trăm tám mươi hai đồng*);

Tổng cộng 155.538.082 đồng (*một trăm năm mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tám ngàn không trăm tám mươi hai đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà Tô Ánh M nộp 7.777.000 (*bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng),* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Huy K và chị Lê Thị Mỹ T không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 3.706.000 đồng (*ba triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng*) mà anh K, chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0002174 ngày 22/6/2023 được hoàn trả lại cho anh K và chị T.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.